

KÉM KHẢ QUAN - Giá mục tiêu 1 năm: 28.600 Đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 07/02/2023): 28.900 Đồng/cp

Trần Thùy Trang, ACA

trangtt2@ssi.com.vn

+84 – 24 3936 6321 ext. 8705

Ngày 07/02/2023

NGÀNH DỆT MAY

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	101
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	2.373
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	82
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	59,6/23,6
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	31.308
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	0,04
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	0,89
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	14,28
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0,0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

STK được thành lập vào năm 2000 và sản xuất sợi DTY từ nguyên liệu sợi POY. Công ty xuất khẩu phần lớn sản phẩm sang Châu Âu (chủ yếu là Thổ Nhĩ Kỳ) và các quốc gia Châu Á khác. Công ty cũng bán cho các công ty FDI tại Việt Nam. Khách hàng là các công ty dệt may có thương hiệu chính như Nike, Adidas, Uniqlo, Decathlon, Puma, Columbia, Guess,... STK có hai nhà máy, một nhà máy tại KCN Bắc Cù Chi, TP.HCM, và một nhà máy tại Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với tổng công suất thiết kế là 44.500 tấn trong năm 2015. Công ty đang mở rộng công suất ước tính đạt 52.000 tấn trong năm 2016 và 60.000 tấn trong năm 2017.

Cập nhật Kết quả kinh doanh Q4/2022

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm mạnh

Lượng điểm đầu tư: STK công bố KQKD quý 4/2022 không tích cực khi doanh thu thuần và lợi nhuận lần lượt đạt 430 tỷ đồng (giảm 14% so với cùng kỳ) và 42,9 tỷ đồng (giảm 43% so với cùng kỳ). KQKD quý 4 thấp hơn dự báo của chúng tôi. Doanh thu vẫn ở mức thấp (đặc biệt đối với sợi nguyên chất), do tâm lý người tiêu dùng kém và tình trạng dư thừa hàng tồn kho của nhà bán lẻ. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm mạnh xuống 14,9% trong quý 4/2022 (so với mức 15,1% trong quý 4/2021 và 17,6% trong quý 3/2022). Trong thời gian tới, ban lãnh đạo dự kiến chi phí chip trung bình sẽ giảm từ quý 2 năm 2023 và doanh thu phục hồi từ quý 3 năm 2023 khi lượng hàng tồn kho giảm mạnh. Trong năm 2023, chúng tôi dự báo công ty sẽ đạt mức tăng trưởng doanh thu thuần và lợi nhuận lần lượt là 2,5% và 6,6% so với cùng kỳ. Trong năm 2024, chúng tôi kỳ vọng mức tăng trưởng doanh thu thuần và lợi nhuận lần lượt là 11,3% và 13,6% so với cùng kỳ, với giả định thị trường chung sẽ phục hồi và đầu tư mở rộng vào nhà máy Unitex. Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu đối với cổ phiếu STK là 28.600 đồng/cổ phiếu (tiềm năng giảm giá là 1,4%), và khuyến nghị KÉM KHẢ QUAN đối với cổ phiếu này.

(tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	2.229	1.766	2.042	2.115	2.168	2.413
Lợi nhuận ròng	214	144	278	240	256	291
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	20%	-33%	93%	-14%	7%	14%
EPS (VND)	3.163	2.091	4.084	3.480	3.131	3.556
ROE (%)	19,8%	13,3%	23,8%	17,2%	16,0%	16,4%
Tỷ suất cổ tức (%)	8,5%	7,2%	2,7%	4,9%	5,2%	3,4%
Nợ/VCSH	0,62	0,25	0,26	0,20	0,27	0,32
P/E (x)	5,55	10,00	13,86	7,90	9,26	8,16
P/B (x)	1,15	1,32	3,07	1,46	1,42	1,26
EV/EBITDA (x)	5,80	7,75	6,07	6,33	5,32	4,48

Nguồn: Công ty, SSI dự báo

Kết quả kinh doanh quý 4/2022

(tỷ đồng)	Quý 4/2022	Quý 4/2021	So với cùng kỳ	Quý 3/2022	So với quý trước	TSLN		
						Quý 4/2022	Quý 4/2021	Quý 3/2022
Doanh thu thuần	430	497	-13,5%	515	-17%			
Lợi nhuận gộp	64	75	-15,1%	91	-30%	14,9%	15,1%	17,6%
Lợi nhuận từ HĐKD	52	52	-0,5%	54	-4%	12,1%	10,5%	10,5%
EBIT	52	55	-4,5%	59	-11%	12,1%	11,0%	11,4%
EBITDA	77	82	-6,6%	85	-10%	17,8%	16,5%	16,6%
LNTT	49	53	-8,8%	56	-13%	11,3%	10,7%	10,9%
Lợi nhuận ròng	43	75	-42,9%	50	-14%	10,0%	15,1%	9,7%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	43	75	-42,9%	50	-14%	10,0%	15,1%	9,7%

Nguồn: STK, SSI Research

(tỷ đồng)	2022	2021	So với cùng kỳ	Hoàn thành kế hoạch năm	TSLN	
					2022	2021
Doanh thu thuần	2.115	2.042	3,5%	81%		
Lợi nhuận gộp	372	374	-0,7%		17,6%	18,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	266	284	-6,3%		12,6%	13,9%
EBIT	279	291	-4,2%		13,2%	14,2%
EBITDA	385	401	-4,0%		18,2%	19,7%
LNTT	270	286	-5,6%		12,8%	14,0%
Lợi nhuận ròng	240	278	-13,7%	80%	11,4%	13,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	240	278	-13,7%		11,4%	13,6%

Nguồn: STK, SSI Research

Trong quý 4/2022, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận lần lượt là 430 tỷ đồng (giảm 13,5% so với cùng kỳ) và 43 tỷ đồng (giảm 43% so với cùng kỳ). KQKD quý 4 thấp hơn dự báo của chúng tôi do chi phí chip trung bình cao hơn dự kiến - đặc biệt là đối với sợi nguyên sinh.

Sản lượng tiêu thụ giảm 28% so với cùng kỳ trong quý 4 năm 2022 trong khi giá bán trung bình tăng 20% nhờ công ty nỗ lực thúc đẩy các đơn đặt hàng sợi tái chế chất lượng cao hơn. Sản lượng tiêu thụ sợi nguyên sinh giảm 42% so với cùng kỳ, vẫn do nhu cầu yếu và lượng hàng tồn kho cao tại các thị trường xuất khẩu. Mặt khác, sản lượng tiêu thụ sợi tái chế đã tăng 7% so với cùng kỳ. Trong quý 4 năm 2022, sợi tái chế chiếm 57% tổng doanh thu, so với mức 37% trong quý 4 năm 2021. Trong khi đó, quý 3 năm 2022 ghi nhận sản lượng tiêu thụ của sợi nguyên sinh và sợi tái chế lần lượt giảm 25% và 22% so với cùng kỳ.

Giá bán bình quân tăng lên do giá bán bình quân của sợi tái chế tăng 25%, trong khi giá bán bình quân của sợi nguyên sinh tăng 2% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 14,9%, thấp hơn mức 15,1% được công bố trong quý 4/2021 và thấp hơn đáng kể so với mức 17,6% của quý 3/2022, do chi phí chip trung bình của sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt 19% và 16% theo năm, tăng 4% và 17% theo quý.

STK ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận lần lượt đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (tăng 3,5% so với cùng kỳ) và 240 tỷ đồng (giảm 13,7% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 81% và 80% kế hoạch đề ra. Sản lượng tiêu thụ giảm 5% so với cùng kỳ (sản lượng tiêu thụ sợi nguyên sinh và sợi tái chế giảm lần lượt 7% và 3% so với cùng kỳ). Giá bán bình quân tăng 9% so với cùng kỳ (giá bán bình quân của sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt 6% và 12% so với cùng kỳ). Doanh thu từ sợi tái chế chiếm 54% tổng doanh thu trong năm 2022 so với mức 50% trong năm 2021. Do chi phí chip trung bình tăng nhanh hơn mức tăng của giá bán bình quân, nên tỷ suất lợi nhuận gộp đã giảm 70 bps trong năm 2022.

Triển vọng

Trong năm 2023, STK kỳ vọng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức thấp một con số (LNST tăng khoảng 5% so với cùng kỳ) do sức tiêu thụ toàn cầu gặp khó khăn trong nửa đầu năm 2023. Ban lãnh đạo dự kiến chi phí chip trung bình sẽ bắt đầu giảm trong quý 2/2023 và sản lượng tiêu thụ sẽ phục hồi trong quý 3/2023 khi hàng tồn kho của nhà bán lẻ được xử lý hoàn toàn. Bất chấp sự phục hồi của giá polyester trên thị trường Trung Quốc do nền kinh tế mở cửa trở lại, ban lãnh đạo cho rằng giá bán bình quân các đơn hàng của STK trong quý 1 năm 2023 vẫn chưa tăng do đơn hàng may mặc từ các khách hàng của STK chưa hồi phục (chủ yếu là các công ty có vốn đầu tư FDI tại Việt Nam, chiếm 68% doanh thu).

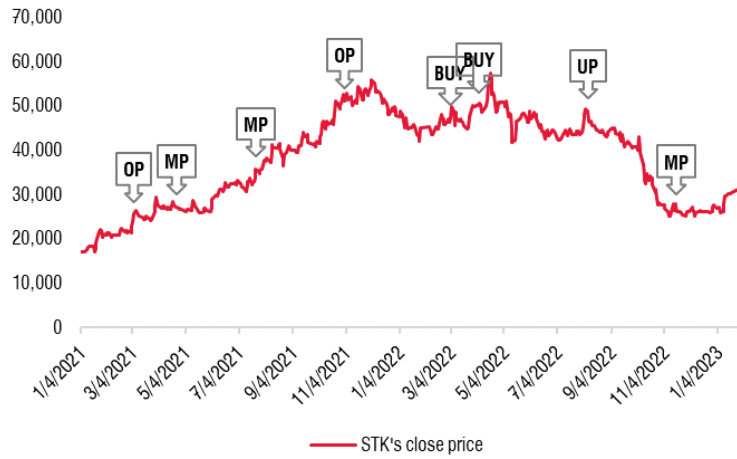
Do nhu cầu yếu và chậm trễ trong quá trình, nhà máy Unitex chỉ mới bắt đầu xây dựng vào đầu tháng 1 năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng Giai đoạn I (giúp tăng 60% công suất) sẽ bắt đầu đi vào hoạt động thương mại vào đầu năm 2024, đúng thời điểm các đơn hàng dự kiến phục hồi.

Ước tính và định giá

Chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo năm 2023 và 2024 đối với STK do KQKD quý 4/2022 kém khả quan. Trong năm 2023, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (tăng 2,5% so với cùng kỳ) và 256 tỷ đồng (tăng 5,5% so với cùng kỳ), với giá định sản lượng tiêu thụ tăng 6% so với cùng kỳ, điều mà chúng tôi dự báo sẽ chủ yếu xảy ra trong nửa cuối năm 2023. Dự báo này lần lượt thấp hơn 2% và 6% so với dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận trước đây của chúng tôi. Chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ đạt 17,3% trong năm 2023, với giá định giá bán bình quân giảm 3,4% so với cùng kỳ do chi phí chip trung bình giảm. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 2,4 nghìn tỷ đồng (tăng 11,3% so với cùng kỳ) và 291 tỷ đồng (tăng 13,6% so với cùng kỳ) với giá định thị trường phục hồi và đầu tư mở rộng tại nhà máy Unitex. Do chậm trễ trong quá trình xây dựng nhà máy, chúng tôi dự báo STK sẽ chỉ có thể tăng công suất ở mức 15% trong năm 2024.

Với mức giá 29.000 đồng/cổ phiếu, cổ phiếu STK đang giao dịch với P/E năm 2023 và 2024 lần lượt là 9,3 lần và 8,2 lần. Chúng tôi áp dụng mức P/E trung bình lịch sử là 9 lần cho dự báo EPS năm 2023 và 2024 để đưa ra mức giá mục tiêu 1 năm mới là 28.600 đồng/cổ phiếu (so với giá trước đây là 29.700 đồng/cổ phiếu) – tương ứng với tiềm năng giảm giá là 1,4%. Chúng tôi lặp lại khuyến nghị KÉM KHẢ QUAN đối với cổ phiếu STK.

Quan điểm ngắn hạn: Do mức nền so sánh cao trong quý 1/2022, chúng tôi cho rằng STK sẽ ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận âm trong quý 1/2023 do nhu cầu sợi không cải thiện, điều này có thể khiến giá cổ phiếu giảm.

Lịch sử khuyến nghị

Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	366	415	152	89
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	87	224	161	99
+ Hàng tồn kho	472	466	479	470
+ Tài sản ngắn hạn khác	61	91	93	104
Tổng tài sản ngắn hạn	986	1.196	885	762
+ Các khoản phải thu dài hạn	11	3	4	4
+ GTCL Tài sản cố định	807	731	1.375	1.876
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	24	41	41	41
+ Đầu tư dài hạn	6	14	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	137	139	143	158
Tổng tài sản dài hạn	985	927	1.562	2.079
Tổng tài sản	1.971	2.123	2.447	2.840
+ Nợ ngắn hạn	712	584	685	759
Trong đó: vay ngắn hạn	321	308	358	398
+ Nợ dài hạn	0	0	90	199
Trong đó: vay dài hạn	0	0	90	199
Tổng nợ phải trả	712	584	775	958
+ Vốn góp	707	844	844	844
+ Thặng dư vốn cổ phần	35	41	41	41
+ Lợi nhuận chưa phân phối	558	696	829	1.038
+ Quý khác	-41	-41	-41	-41
Vốn chủ sở hữu	1.259	1.539	1.673	1.882
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	1.971	2.123	2.447	2.840
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	290	71	506	571
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	30	-31	-786	-700
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-50	10	17	66
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	271	50	-263	-63
Tiền đầu kỳ	95	366	415	152
Tiền cuối kỳ	366	415	152	89
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,39	2,05	1,29	1,00
Hệ số thanh toán nhanh	0,64	1,09	0,46	0,25
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,51	0,71	0,22	0,12
Nợ ròng / EBITDA	0,17	-0,20	0,21	0,74
Khả năng thanh toán lãi vay	54,72	30,55	19,33	19,25
Ngày phải thu	14,5	12,0	11,8	9,0
Ngày phải trả	60,5	53,5	49,8	52,1
Ngày tồn kho	95,4	98,2	96,3	87,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,64	0,72	0,68	0,66
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,36	0,28	0,32	0,34
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,38	0,46	0,51
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,20	0,27	0,32
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,20	0,21	0,21

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	2.042	2.115	2.168	2.413
Giá vốn hàng bán	-1.668	-1.743	-1.792	-1.988
Lợi nhuận gộp	374	372	376	426
Doanh thu hoạt động tài chính	18	29	23	19
Chi phí tài chính	-9	-48	-25	-22
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-27	-19	-24	-27
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-72	-64	-63	-70
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285	269	287	327
Thu nhập khác	1	1	0	0
Lợi nhuận trước thuế	286	270	287	326
Lợi nhuận ròng	278	240	256	291
Lợi nhuận chia cho cổ đông	278	240	256	291
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	4.084	3.480	3.131	3.556
Giá trị sổ sách (VND)	18.464	18.811	20.442	22.998
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.500	1.500	1.500	1.000
EBIT	291	279	303	344
EBITDA	402	385	458	544
Tăng trưởng				
Doanh thu	15,7%	3,5%	2,5%	11,3%
EBITDA	27,7%	-4,1%	19,0%	18,7%
EBIT	60,9%	-4,2%	8,7%	13,6%
Lợi nhuận ròng	92,9%	-13,7%	6,6%	13,6%
Vốn chủ sở hữu	16,4%	22,3%	8,7%	12,5%
Vốn điều lệ	0,0%	19,3%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	15,7%	7,7%	15,3%	16,1%
Định giá				
PE	13,9	7,9	9,3	8,2
PB	3,1	1,5	1,4	1,3
Giá/Doanh thu	1,9	1,1	1,1	1,0
Tỷ suất cổ tức	2,7%	5,5%	5,2%	3,4%
EV/EBITDA	6,1	6,3	5,3	4,5
EV/Doanh thu	1,2	1,2	1,1	1,0
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18,3%	17,6%	17,3%	17,6%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	13,9%	12,3%	13,1%	14,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	13,6%	11,4%	11,8%	12,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,3%	0,9%	1,1%	1,1%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,5%	3,0%	2,9%	2,9%
ROE	23,8%	17,2%	16,0%	16,4%
ROA	15,2%	11,7%	11,2%	11,0%
ROIC	19,3%	14,5%	13,6%	13,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhvtv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích Ngành Dệt may

Trần Thùy Trang, ACA

Chuyên viên Phân tích cao cấp

trangtt2@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 24 3936 6321 ext. 8705

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715